



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

CHƯƠNG 4

NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

FOREIGN TRADE
UNIVERSITY



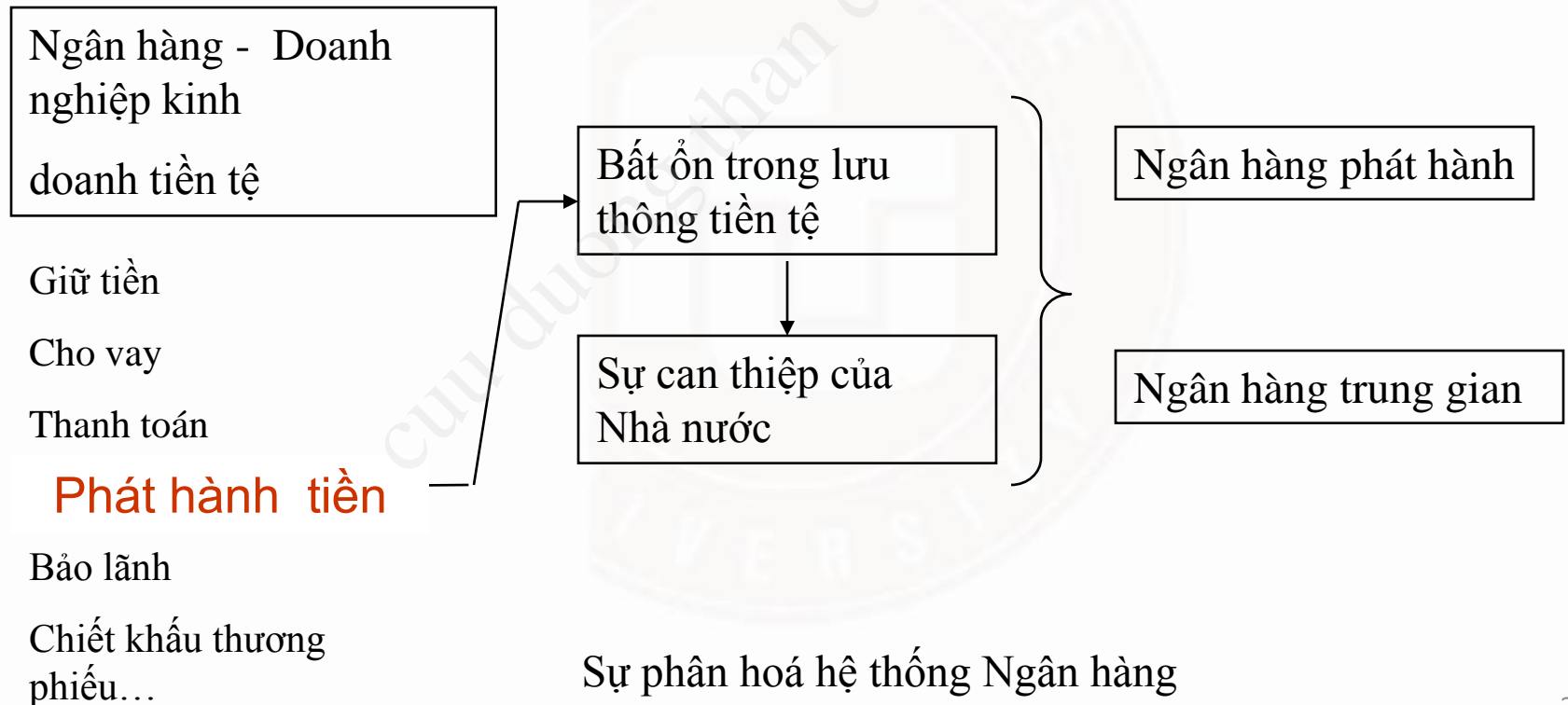
NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG (NHTW)

1. Sự ra đời và phát triển của NHTW
2. Các mô hình NHTW
3. Chức năng của NHTW



Sự ra đời và phát triển của NHTW

Thế kỷ 17 đến thế kỷ 19





Cuối TK 19 – đầu TK 20

Hai xu thế đầu thế kỷ XX

Tách rời chức năng độc quyền phát hành và kinh doanh tiền tệ

Thành lập mới các NHTW với đầy đủ bản chất



Đầu TK 20 đến nay

Từ đầu thế kỷ 20 đến nay

Khủng hoảng kinh tế
1929-33

+ Sự phát triển của
học thuyết Keynes

→ Quốc hữu hoá NHTW hoặc thành lập mới
các NHTW thuộc sở hữu Nhà nước

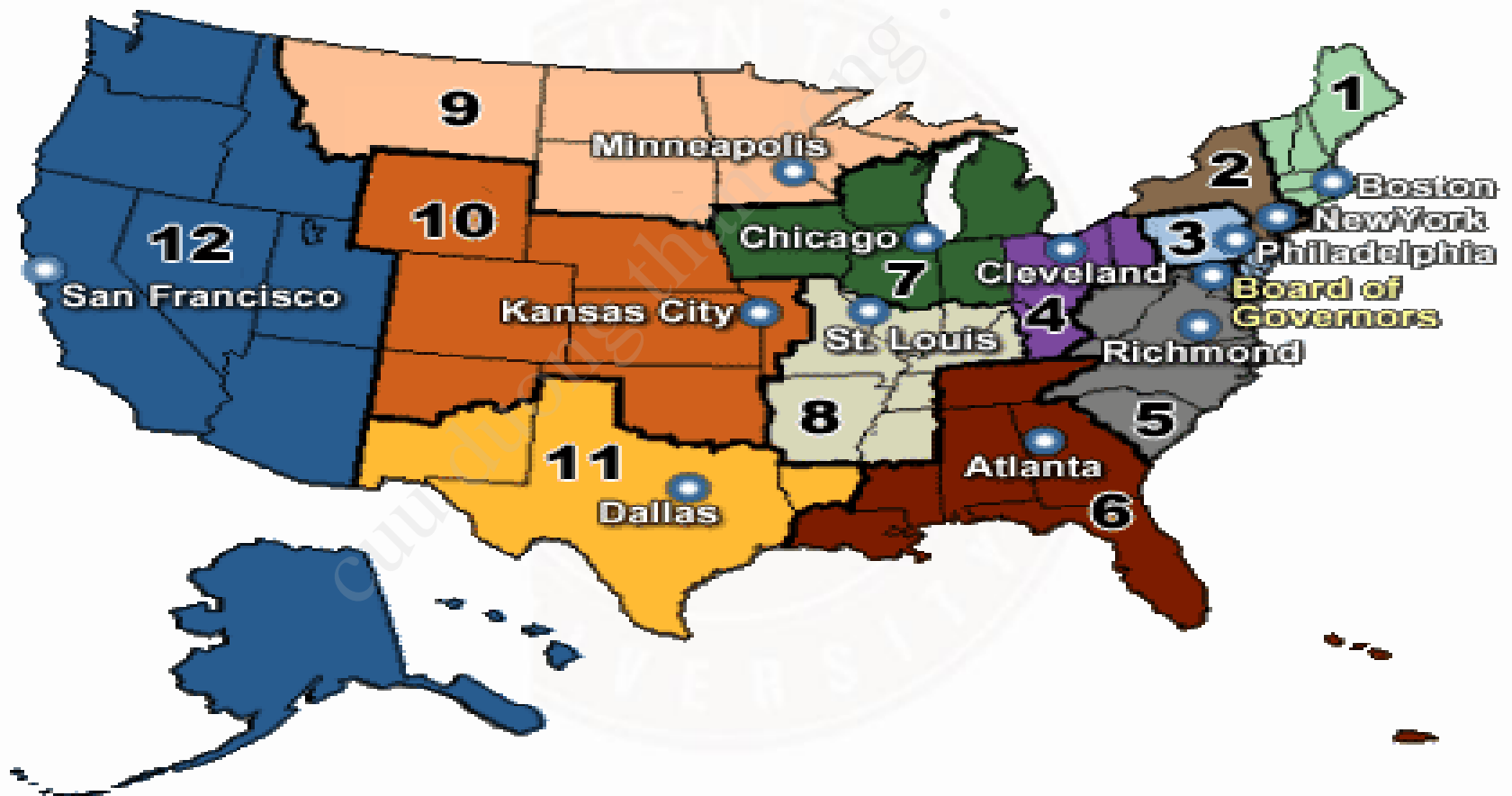
- NHTW Anh (BOE- Bank of England)
- NHTW Nhật (BOJ- Bank of Japan)
- NHTW Thụy Điển (Riksbank)
- Federal Reserve System (FED)



Federal Reserve System (FED)

- 1776: độc lập
- 1785: được Anh công nhận độc lập
- 1785- 1791: 1st bank thành lập
- 1791- 1811
- 1811- 1816: không có NHTW
- 1816: 2nd bank ra đời, độc quyền phát hành tiền
- 1816- 1836
- 1836- 1863: free banking
- 1864: NH quốc gia ra đời, mang dáng dấp của NHTW
- 1913: NHTW Mỹ ra đời dưới tên FED

FED Districts





Bộ máy quản lý FED

- Hội đồng thống đốc: tổng thống bầu, quốc hội phê duyệt, nhiệm kỳ 14 năm
- Ủy ban các vấn đề về thị trường mở: 7 thống đốc, 5 người do địa phương bầu
- Hội đồng tư vấn (FAC): 12 người
- NH thành viên



2. Các mô hình NHTW

- Mô hình NHTW độc lập Chính phủ
- Mô hình NHTW phụ thuộc Chính phủ



Mô hình NHTW độc lập Chính phủ

Quốc hội

```
graph TD; A[Quốc hội] --> B[Chính phủ]; A --> C[NHTW];
```

Chính phủ

NHTW

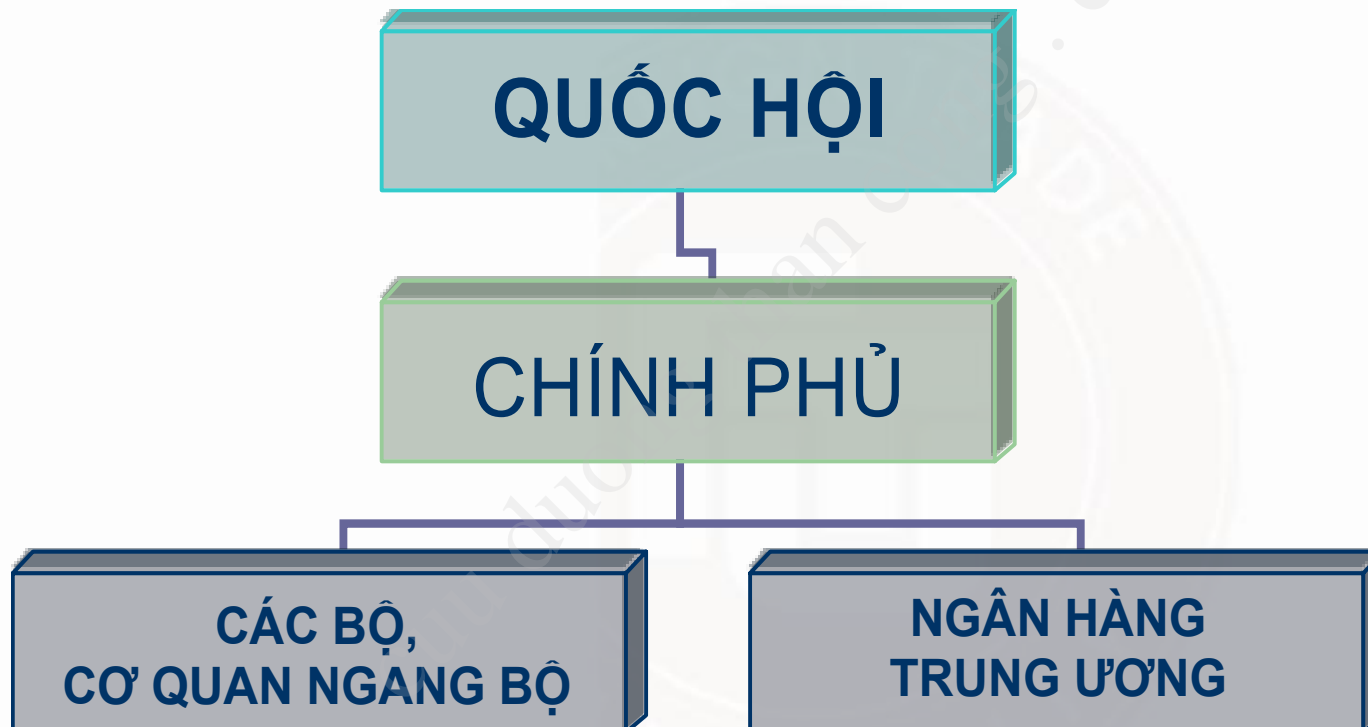


NHTW độc lập với Chính phủ

- NHTW có quyền quyết định việc xây dựng và thực hiện chính sách tiền tệ
- Chính phủ và NHTW chỉ có quan hệ hợp tác chứ không có quan hệ chi phối.
- Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), NHTW Thụy sĩ, Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB)...



Mô hình NHTW phụ thuộc Chính phủ





NHTW phụ thuộc Chính phủ

- NHTW nằm trong nội các Chính phủ
- chịu sự chi phối trực tiếp của Chính phủ về nhân sự, tài chính và các quyết định liên quan đến việc xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ



Độc lập hay trực thuộc?

<i>Độc lập</i>	<i>Trực thuộc</i>
<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện chính sách tiền tệ tốt hơn, đảm bảo được giá trị đồng tiền và kiềm chế được lạm phát- Tránh được các “chu kỳ kinh tế chính trị”- Không phải chịu sức ép chính phủ- NHTW hoạt động vì lợi ích của nhân dân hơn là vì lợi ích của một nhóm chính trị gia- Chủ động thực hiện CSTT	<ul style="list-style-type: none">- Chính phủ có thể kết hợp hài hòa, hiệu quả cả chính sách tài khóa và CSTT, tập trung các nguồn lực phát triển kinh tế, tránh trường hợp hai chính sách hoạt động trái chiều, triệt tiêu ảnh hưởng của nhau.

XU THẾ HIỆN NAY?



8. Các chức năng của NHTW

3.1. Ngân hàng phát hành

3.2. Ngân hàng của các Ngân hàng

3.3. Ngân hàng của Nhà nước

3.1. Ngân hàng phát hành



Các nguyên tắc phát hành tiền:

- a. Dựa trên cơ sở đảm bảo bằng trữ kim (vàng)*
- b. Dựa trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu tiền tệ của nền kinh tế*



Dựa trên cơ sở đảm bảo bằng vàng

- NHTW phải đảm bảo việc tự do đổi giấy bạc ngân hàng ra vàng khi có yêu cầu
- 3 hình thức:
 - Nhà nước quy định một hạn mức phát hành
 - Quy định mức tối đa lượng giấy bạc trong lưu thông và không quy định mức dự trữ vàng làm đảm bảo cho lượng giấy bạc đó
 - Quy định mức dự trữ vàng tối thiểu cho khối lượng giấy bạc phát hành



Dựa trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu tiền tệ của nền kinh tế

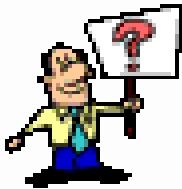
- Các kênh phát hành tiền:
 - Cho Chính phủ vay
 - Phát hành qua nghiệp vụ thị trường mở
 - Phát hành qua các NH trung gian
 - Phát hành qua thị trường vàng và ngoại tệ



2. Ngân hàng của các Ngân hàng

- NHTW mở tài khoản và nhận tiền gửi của các NHTM

- Dự trữ bắt buộc



Tại sao phải quy định dự trữ bắt buộc?

- Tiền gửi thanh toán



2. Ngân hàng của các Ngân hàng

- **Cho NHTM vay:** chủ yếu dưới hình thức *tái chiết khấu*
 - NH có nhu cầu tạm thời về vốn
 - NH đứng trước nguy cơ mất khả năng thanh toán (người cho vay cuối cùng)



Tại sao NHTW lại giữ vai trò “Người cho vay cuối cùng” đối với các NHTM?

- **Trung gian thanh toán giữa các ngân hàng:** trung tâm thanh toán bù trừ



3.3. Ngân hàng của Nhà nước

- Ngân hàng của Chính phủ
- Cố vấn, đại diện cho Nhà nước
- Quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ và tín dụng



Ngân hàng của Chính phủ

- Nhận tiền gửi của Kho bạc Nhà nước, tổ chức thanh toán cho kho bạc Nhà nước trong quan hệ với khách hàng, bảo quản dự trữ quốc gia.
- Cho NSNN vay khi cần thiết
- Đứng ra bảo lãnh phát hành TP Chính phủ



Cố vấn, đại diện cho Nhà nước

- Cố vấn cho Chính phủ về các CSTT
- Đại diện Nhà nước trong các quan hệ với nước ngoài trên lĩnh vực tiền tệ, tín dụng và ngân hàng



Quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ và tín dụng

- Xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ
- Phê duyệt, cấp giấy phép hoạt động cho các NHTM, các tổ chức tín dụng..., thu hồi giấy phép, đình chỉ hoạt động...
- Quy định các quy chế hoạt động cho các NHTM, các tổ chức tín dụng...
- Đảm bảo sự ổn định của hệ thống ngân hàng
- Thanh tra, kiểm tra hoạt động của hệ thống ngân hàng



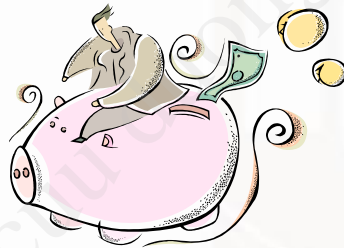
QUÁ TRÌNH CUNG ỨNG TIỀN TỆ



NHTW



NHTM



Người vay tiền



Người gửi tiền

Các chủ thể trong quá trình cung ứng tiền tệ



Ngân hàng Trung ương

Bản cân đối kế toán của NHTW

<u>Tài sản có</u>	<u>Tài sản nợ</u>
<ul style="list-style-type: none">- Chứng khoán- Các khoản cho vay đối với Ngân hàng thương mại	<ul style="list-style-type: none">- Tiền trong lưu thông (C)- Dự trữ của các ngân hàng thương mại (R) $MB = C + R$

Kiểm soát MB?



NHTW - Kiểm soát lượng tiền cơ sở

- Nghiệp vụ thị trường mở:
 - + Mua/bán CK với NHTM
 - + Mua/bán CK với tổ chức phi ngân hàng
- Cho vay chiết khấu



Quá trình tạo tiền gửi – Mô hình đơn giản

- Số nhân tiền gửi đơn giản:

$$m = 1/r$$

Trong đó: m là số nhân tiền tệ
 r là tỷ lệ dự trữ bắt buộc.

Hạn chế của mô hình đơn giản:

- Nếu người vay tiền giữ tiền mặt mà không gửi hết vào NH?
- Nếu NH không cho vay hết dự trữ?

Mô hình cung tiền và số nhân tiền tệ

Số nhân tiền m: $MS = m \cdot MB$



m

$$MB = R + C = (r.D) + ER + C$$

$$MB = rD + eD + cD = r + e + c \cdot D$$

$$e = (ER/D)$$

$$c = (C/D)$$

$$D = \frac{1}{r + e + c} MB$$

$$M = C + D = cD + D = D(1 + c) = \frac{1 + c}{r + e + c} MB$$

$$m = \frac{1 + c}{r + e + c}$$



Các nhân tố ảnh hưởng đến m

- Thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc r
- Thay đổi tỷ lệ nắm giữ tiền mặt/ tiền gửi c
- Thay đổi tỷ lệ dự trữ vượt mức e



Mở rộng:

Những nhân tố nào ảnh hưởng đến r , c và e ?

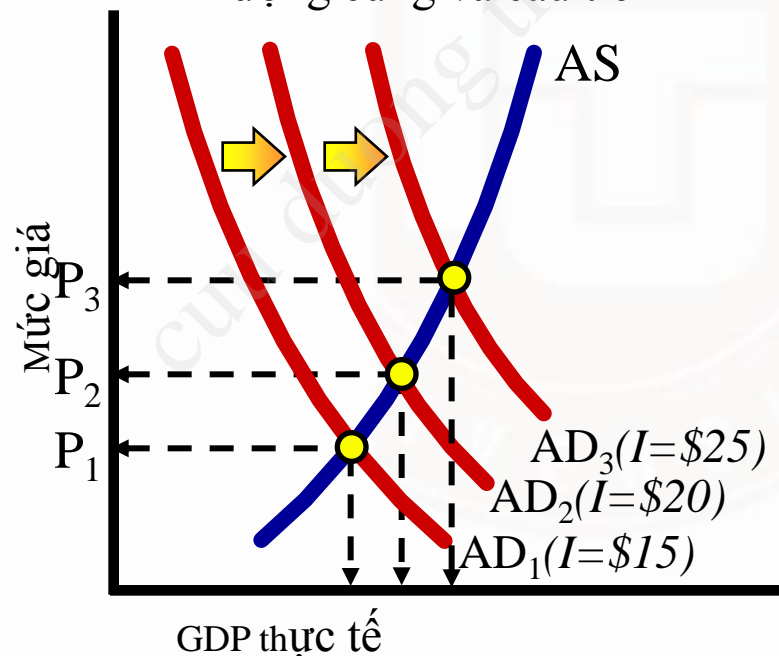
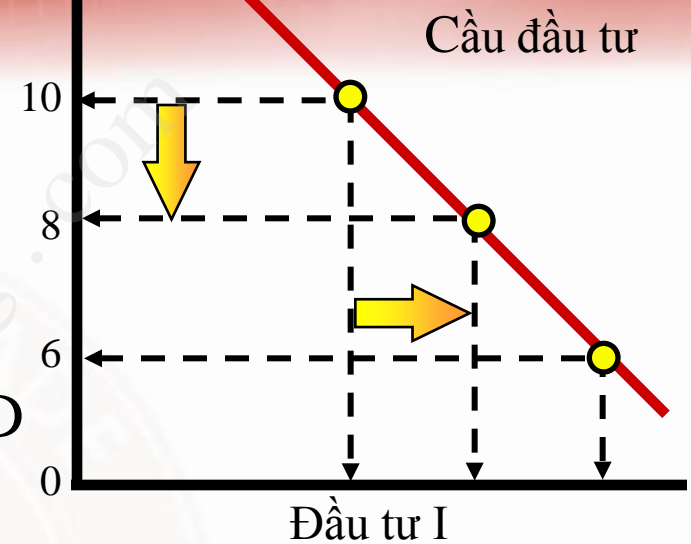
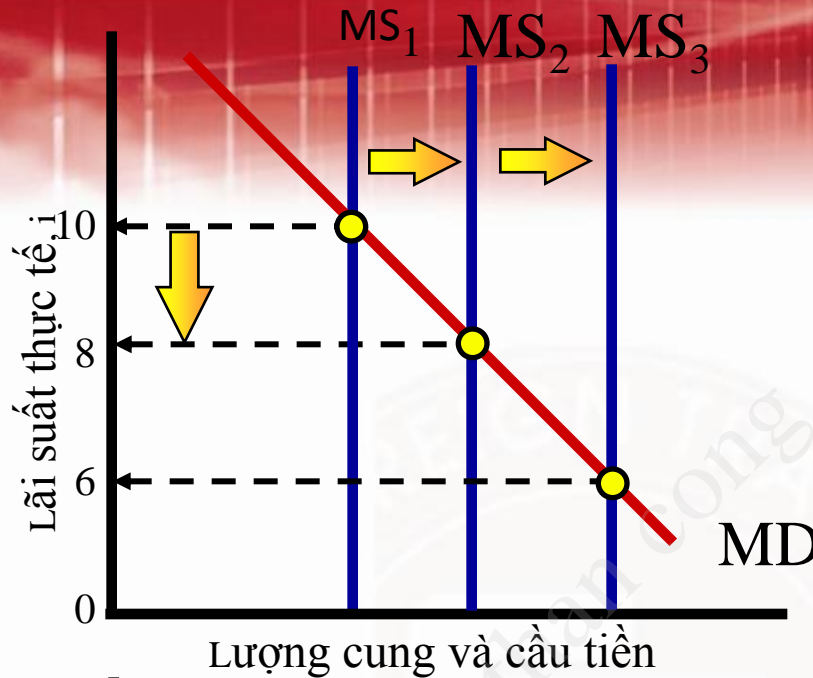


III. CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

1. Khái niệm

Chính sách tiền tệ là một trong những chính sách kinh tế vĩ mô, trong đó NHTW thông qua các công cụ của mình tác động đến lãi suất hoặc khối lượng tiền cung ứng để đạt được những mục tiêu kinh tế xã hội đề ra

Chính sách tiền tệ và GDP



Nếu tăng lượng cung tiền để kích thích nền kinh tế

- Lãi suất ↓
- Đầu tư ↑
- AD & GDP ↑ với lạm phát nhẹ
- Tiếp tục ↑ lượng cung tiền sẽ kéo dài quá trình tăng trưởng, nhưng chú ý tỷ lệ lạm phát



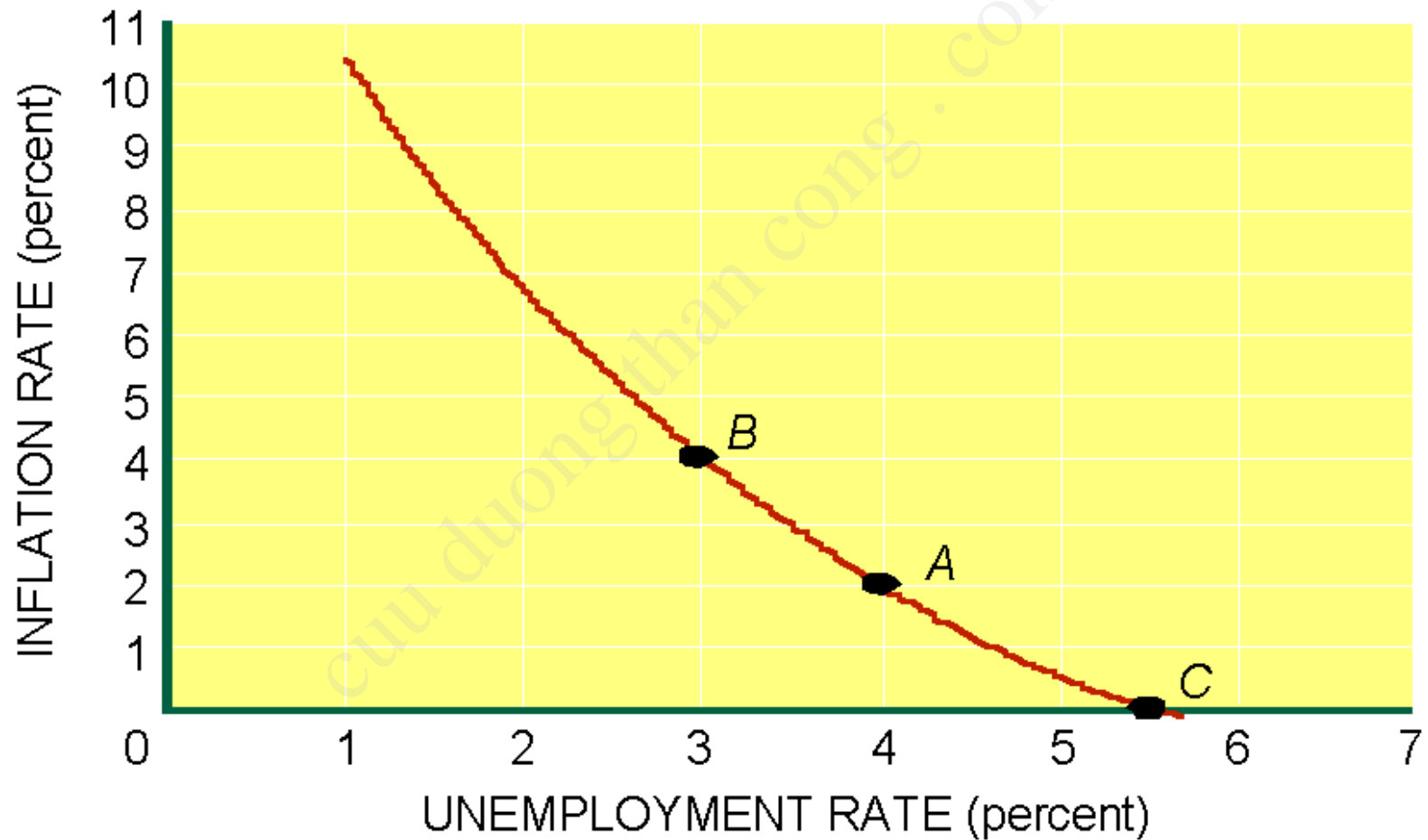
2. Mục tiêu của CSTT

- a. Ổn định giá cả, kiểm soát lạm phát
- b. Tăng trưởng kinh tế
- c. Giảm tỷ lệ thất nghiệp, tạo công ăn việc làm

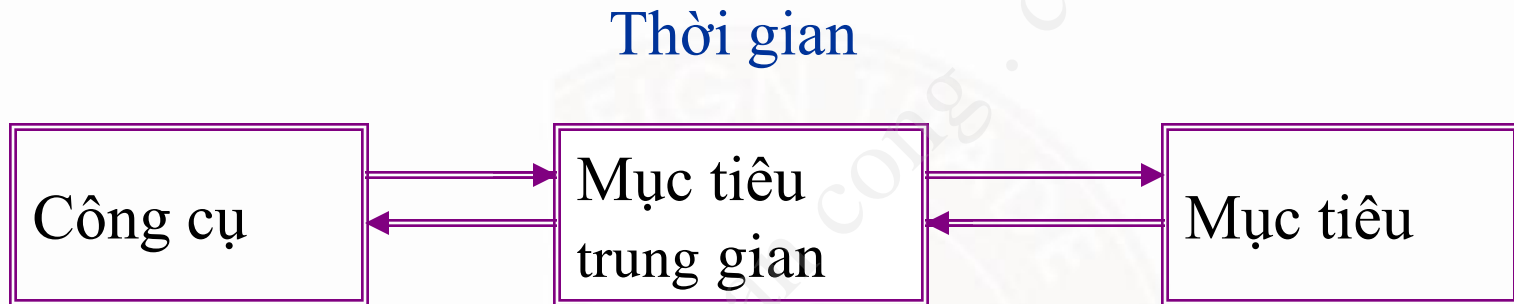


Mối quan hệ giữa các mục tiêu?

Đường cong Phillips



Mục tiêu trung gian của CSTT



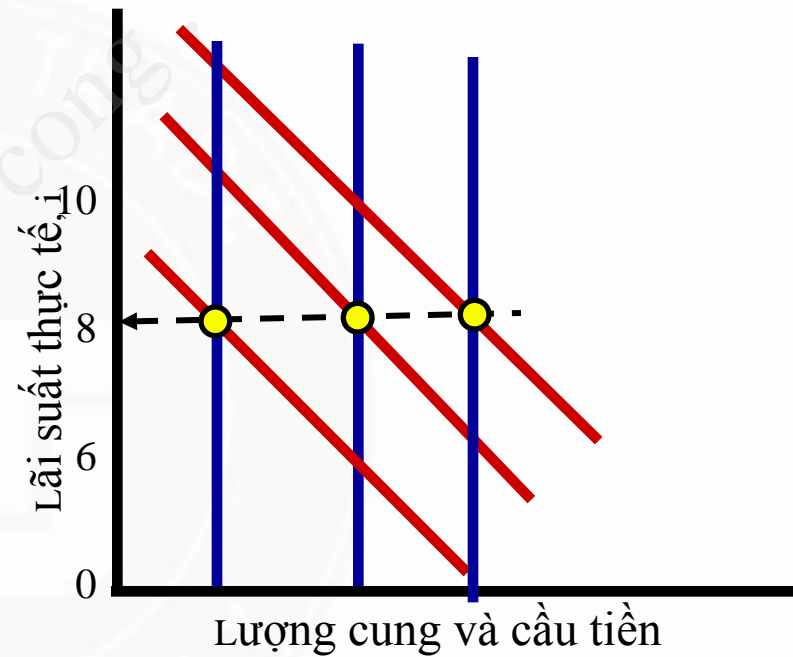
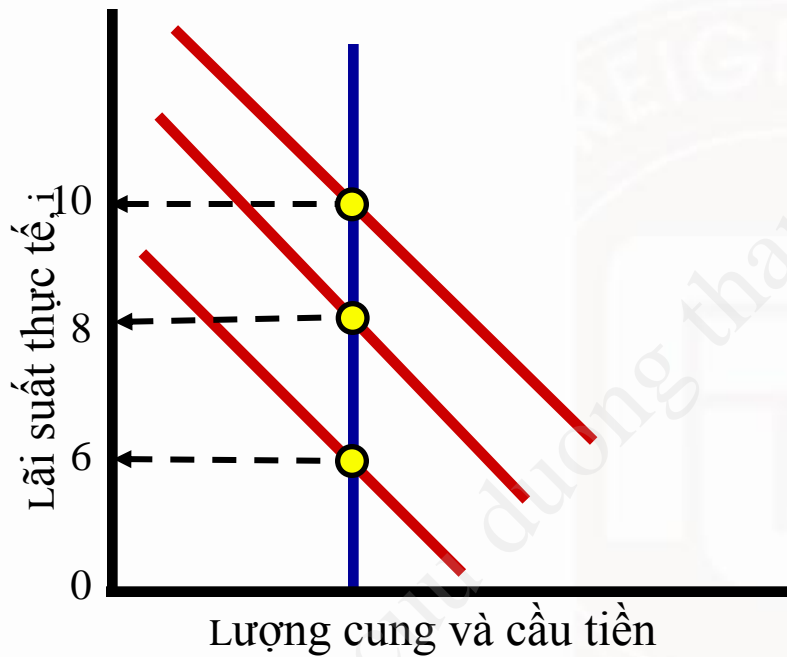
Tiêu chuẩn chọn lựa mục tiêu trung gian:

- *Có thể đo lường được*
- *NHTW có thể kiểm soát được*
- *Có quan hệ với mục tiêu cuối cùng*

Lượng cung tiền (MS) và
Lãi suất (i)



thể sử dụng cùng lúc MS và i làm mục tiêu trung gian không?



KHÔNG



3. Các công cụ của CSTT

3.1. Các công cụ gián tiếp

- Nghiệp vụ thị trường mở
- Chính sách tái chiết khấu
- Dự trữ bắt buộc



Nghiệp vụ thị trường mở

*Nghiệp vụ thị trường mở là nghiệp vụ trong đó NHTW mua bán **chứng khoán** trên **thị trường mở** để thay đổi dự trữ ngân hàng, từ đó tác động đến cơ sở tiền và lãi suất thị trường*

- Công cụ quan trọng nhất của CSTT
- Nghiệp vụ mua vs. Nghiệp vụ bán
- Nghiệp vụ thị trường mở chủ động vs. Nghiệp vụ thị trường mở thụ động



Nghiệp vụ thị trường mở

Cơ chế tác động:

- Tác động đến dự trữ của các ngân hàng
- Tác động đến cung vốn trên thị trường tiền tệ, từ đó làm thay đổi lãi suất thị trường

Ưu điểm:

- NHTW kiểm soát hoàn toàn, không chịu ảnh hưởng các nhân tố khác
- Linh hoạt, chính xác, dễ đảo ngược
- Tác động tức thì



Chính sách tái chiết khấu

- Chính sách tái chiết khấu là một công cụ của NHTW để thực hiện CSTT, trong đó NHTW cho các NHTM vay dưới hình thức chiết khấu các chứng khoán có giá ngắn hạn.



Chính sách tái chiết khấu

Cơ chế tác động

- Lãi suất chiết khấu
- Khối lượng cho vay

Ưu điểm:

- Được đảm bảo bằng các chứng khoán có giá
- Thực hiện chức năng “người cho vay cuối cùng”

Nhược điểm:

- NHTW không kiểm soát được hoàn toàn
- Không dễ đảo ngược



Dự trữ bắt buộc

- *Dự trữ bắt buộc là số tiền mà các ngân hàng phải duy trì trong một tài khoản không hưởng lãi đặt tại NHTW. Mức dự trữ này do NHTW quy định và được xác định bằng một tỷ lệ nhất định trên tổng số dư tiền gửi của ngân hàng.*



Dự trữ bắt buộc

Cơ chế tác động

- Tác động đến dự trữ của các ngân hàng
- Tác động đến lãi suất cho vay của các NH

Ưu điểm

- Ảnh hưởng bình đẳng đến các ngân hàng
- Ảnh hưởng rất mạnh

Nhược điểm

- Thiếu linh hoạt, khó đảo ngược
- Mất khả năng thanh toán ngay đối với các NH có dự trữ vượt mức quá thấp



3.2. Các công cụ trực tiếp

- Hạn mức tín dụng
- Kiểm soát tín dụng chọn lọc
- Cung ứng tiền mặt pháp định



Hạn mức tín dụng

- *Hạn mức tín dụng là mức dư nợ tối đa mà NHTW buộc các tổ chức tín dụng phải tôn trọng khi cấp tín dụng cho nền kinh tế trong một thời gian nào đó.*



Hạn mức tín dụng

- **Trường hợp áp dụng**
 - Thị trường tiền tệ chưa phát triển
 - Những thay đổi về lãi suất không có hiệu quả
 - NHTW không có khả năng khống chế và kiểm soát sự biến động luồng vốn khả dụng của hệ thống NHTM
 - Trong TH lạm phát cao
- **Hạn chế**
 - Lãi suất cho vay tăng cao → sử dụng nguồn vốn không thích hợp
 - Hạn chế khả năng cạnh tranh giữa các ngân hàng



Kiểm soát tín dụng chọn lọc

- NHTW sẽ giới hạn mức tín dụng tối đa cấp cho những ngành mà nhà nước không muốn phát triển và ưu đãi những ngành hoạt động được coi như ưu tiên, cần yểm trợ tín dụng mạnh hơn.



Cung ứng tiền mặt pháp định

- Là việc NHTW cung ứng trực tiếp tiền cơ sở ra thị trường hoặc rút bớt tiền ra khỏi lưu thông qua việc sử dụng các nghiệp vụ trên thị trường ngoại hối và nghiệp vụ cho vay với Chính phủ.



Cung ứng tiền mặt pháp định

- Khi NHTW đưa tiền mặt ra mua ngoại tệ → tăng lượng tiền trong lưu thông và đẩy tỷ giá ngoại tệ lên cao (phá giá đồng bản tệ), tăng dự trữ ngoại tệ
- Khi NHTW bán ngoại tệ ra → giảm nhanh cung ứng tiền tệ, lượng tiền cung ứng trong lưu thông sẽ giảm đi, tỷ giá ngoại tệ hạ thấp xuống (nâng giá đồng bản tệ)

IV. TIỀN TỆ VÀ LẠM PHÁT

“Lạm phát bao giờ và ở đâu cũng là một hiện tượng tiền tệ”

– M. Friedman

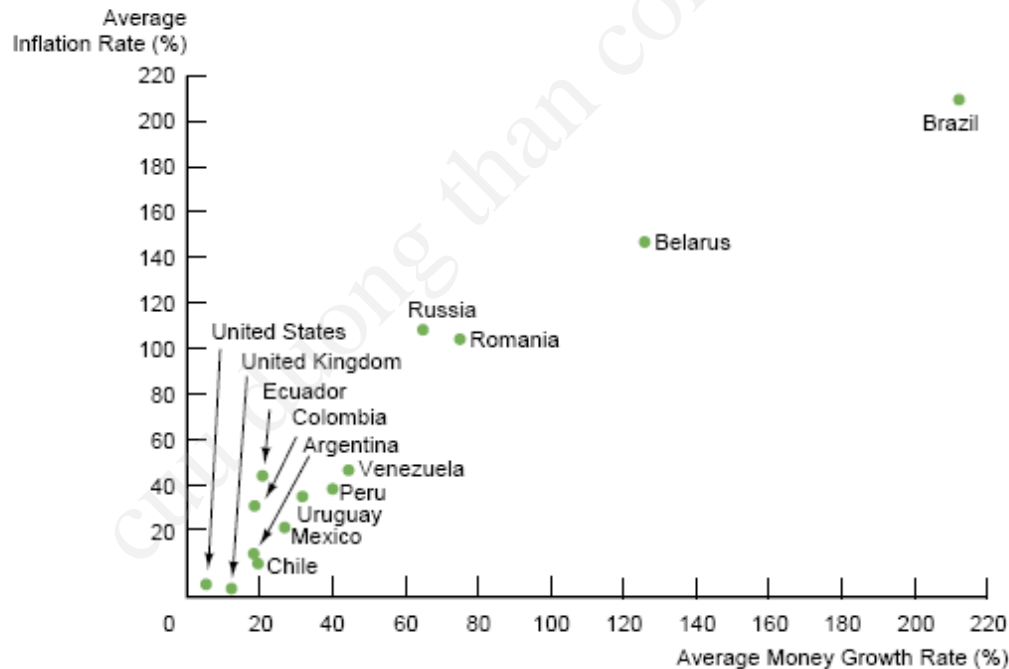


FIGURE 6 Average Inflation Rate Versus Average Rate of Money Growth for Selected Countries, 1992–2002

Source: International Financial Statistics.



1. Lạm phát

Khái niệm

- Lạm phát là sự ***tăng nhanh liên tục*** của mức giá chung
- Lạm phát là hiện tượng tiền giấy mất giá ***kéo dài và liên tục*** so với hàng hoá, vàng và ngoại tệ

Phân biệt khái niệm lạm phát của các nhà kinh tế học và khái niệm lạm phát vẫn được sử dụng trên báo chí?

1. Lạm phát

Tính toán lạm phát

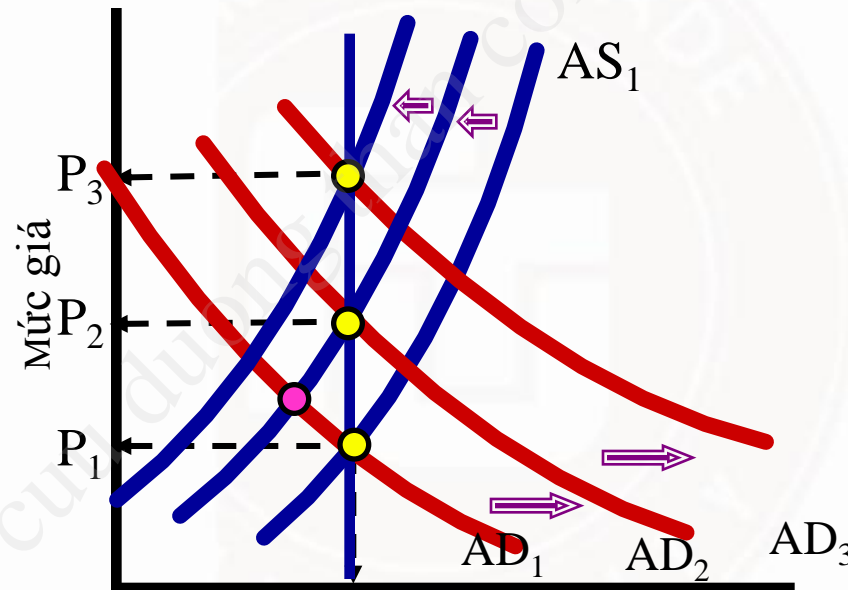
- Lạm phát được tính toán thông qua sự biến động của **chỉ số giá tiêu dùng - CPI**

$$\pi_k = \left(\frac{CPI_k}{CPI_{k-1}} - 1 \right) \times 100\%$$

- Lạm phát còn có thể được tính toán thông qua chỉ số giá *PPI*, nhưng cách tính toán này không phổ biến

Lạm phát - Hiện tượng tiền tệ?

2.1. Quan điểm của các nhà kinh tế học cổ điển



Theo các nhà kinh tế học cổ điển, lạm phát nhanh chỉ có thể xảy ra do tốc độ tăng cung tiền cao



Lạm phát - Hiện tượng tiền tệ?

2.2. Quan điểm của các nhà kinh tế học trường phái Keynes

Cung tiền tăng nhanh → mức giá chung tăng nhanh liên tục

→ LẠM PHÁT



Chính sách tài khoá → lạm phát ?

Các nhân tố ảnh hưởng đến tổng cung → lạm phát ?

3. Nguồn gốc của CSTT lạm phát



Tại sao lạm phát vẫn xảy ra?

Khi cố gắng thực hiện các mục tiêu khác, chính phủ có thể làm cho cung tiền tăng cao và dẫn đến lạm phát cao

- Lạm phát do tăng cung tiền
- Mục tiêu tạo công ăn việc làm và lạm phát
- Thâm hụt ngân sách và lạm phát
- Lạm phát theo tỷ giá hối đoái



Tác động của lạm phát

- Lãi suất
- Thu nhập thực tế
- Phân phối thu nhập không bình đẳng
- Nợ quốc gia